

Bản án số: 09/2025/DS-PT
Ngày 13/01/2025
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Châu

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Hùng

Ông Đặng Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Tài, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 305/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2024/DS-ST ngày 07 tháng 06 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 186/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần K

Địa chỉ: số D P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K: Ông Kim Ngọc T, sinh năm 1984, trú tại khóm E, phường H, thành phố T, tỉnh Trà Vinh là Chuyên viên xử lý nợ của Ngân hàng TMCP K, chi nhánh T2, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1948

Địa chỉ: Ấp C, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Trần Phú L, sinh năm 1992,

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 09/05/2024, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị H: Luật sư Nguyễn Thị Hồng P – Công ty L1 – chi nhánh T2, thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Địa chỉ chi nhánh: số A P, khóm D, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1970, vắng mặt;

3.2. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1991, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T1: Anh Trần Phú L, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 09/05/2024, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Văn T1: Luật sư Nguyễn Thị Hồng P – Công ty L1 – chi nhánh T2, thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Địa chỉ chi nhánh: số A P, khóm D, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ngân hàng Thương mại cổ phần K là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K trình bày và có yêu cầu như sau:

Bà Lê Thị H có lập hợp đồng vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần K theo Hợp đồng tín dụng số TD 0634/HĐTD ngày 21/10/2010 với số tiền gốc bằng 300.000.000 đồng. Trong quá trình vay thì bà Lê Thị H còn nợ ngân hàng số tiền bằng 1.327.251.441 đồng. Trong đó:

+ Nợ gốc là 291.071.333 đồng;

+ Lãi trong hạn là 59.305.784 đồng;

+ Tiền phạt chậm trả lãi là 203.359.534 đồng;

+ Lãi quá hạn là 773.514.791 đồng

(tính từ ngày 21/10/2010 đến ngày 17/03/2023)

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần K yêu cầu bà Lê Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền nợ và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số TD 0634/HĐTD ngày 21/10/2010 từ ngày 17/03/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nói trên.

Trường hợp bà H không thanh toán khoản nợ trên thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp bao gồm các thửa 11, thửa 12, thửa 27 cùng tờ bản đồ số 3 và thửa 108, tờ bản đồ số 2, cùng tọa lạc tại: Ấp C, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh, để thanh toán nợ vay cho Ngân hàng TMCP K theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TC 0634/HĐTC ngày 21/10/2010.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu bà Lê Thị Hồng C tiền phạt chậm trả lãi là 203.359.534 đồng, nên số tiền yêu cầu bà Lê Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng gồm: Nợ gốc là 291.071.333 đồng; lãi trong hạn là 59.305.784, lãi quá hạn là 773.514.791 đồng, tổng cộng là 1.123.891.908 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi ba triệu tám trăm chín mươi một nghìn chín trăm lẻ tám đồng).

Tại đơn phản tố của bị đơn và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền bị đơn trình bày và có yêu cầu như sau:

Thời điểm năm 2010, do mong muốn cho cháu ruột của bà tên Nguyễn Văn T1 có công việc làm cộng tác viên tại Ngân hàng TMCP K – phòng G thuộc chi nhánh T2 nên bà đã phải thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng là ký hợp đồng vay tiền và ký hợp đồng thế chấp tài sản cho Ngân hàng nhằm bảo đảm cho Nguyễn Văn T1 làm

cộng tác viên tại Ngân hàng.

Ngày 21/10/2010, Ngân hàng TMCP K – phòng G thuộc chi nhánh T2 yêu cầu bà ký 01 giao dịch giả tạo số TD 0634/HĐTD với bên cho vay là Ngân hàng TMCP K – phòng G thuộc chi nhánh T2 với số tiền vay là 300.000.000 đồng, nhưng thực chất bà hoàn toàn không nhận được khoản tiền này, đồng thời Ngân hàng TMCP K – phòng G thuộc chi nhánh T2 còn buộc bà phải ký hợp đồng thế chấp 04 thửa đất: thửa 11, thửa 12, thửa 27 cùng tờ bản đồ số 3 và thửa 108, tờ bản đồ số 2, cùng tọa lạc tại: Ấp C, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh để bảo đảm cho hợp đồng vay trên.

Do bản thân bà không có nhận tiền từ Ngân hàng K nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K. Bà H có yêu cầu phản tố yêu cầu Toà án tuyên vô hiệu hợp đồng tín dụng số TD0634/HĐTD ngày 21/10/2010 giữa bà H với Ngân hàng K và tất toán các khoản vay của bà H tại hợp đồng tín dụng này. Đồng thời, yêu cầu Toà án tuyên vô hiệu hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TC0634/HĐTC ngày 21/10/2010 và trả lại cho bà H 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) gồm: Thửa 11, thửa 12, thửa 27 cùng tờ bản đồ số 3 và thửa 108 tờ bản đồ số 2, các thửa đất này tọa lạc: Ấp C, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn bao gồm bà Nguyễn Thị M1, anh Nguyễn Văn T1, ủy quyền cho anh Trần Phú L trình bày:

Thống nhất yêu cầu phản tố của bà H và yêu cầu Toà án chấp nhận yêu cầu phản tố, tuyên vô hiệu hợp đồng tín dụng số TD0634/HĐTD ngày 21/10/2010 giữa bà H với Ngân hàng K và tất toán các khoản vay của bà H tại hợp đồng tín dụng này; tuyên vô hiệu hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TC0634/HĐTC ngày 21/10/2010 và trả cho bà H 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) gồm: Thửa 11, Thửa 12, Thửa 27 cùng tờ bản đồ số 3, Thửa 108 tờ bản đồ số 2, cùng tọa lạc: Ấp C, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh, trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất trên mà Ngân hàng đã giữ lại cho bà Lê Thị H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2024/DS-ST ngày 07/06/2024 của Toà án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, đã quyết định:

Căn cứ các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 121, 127, 128, 129, 137, 471, 472 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 20 của Bộ luật lao động năm 2012; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:*

1. Không Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K về việc buộc bà Lê Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 291.071.333 đồng, lãi trong hạn là 59.305.784, lãi quá hạn là 773.514.791 đồng, tổng cộng là 1.123.891.908 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số TD0634/HĐTD ngày 21/10/2010 tính từ ngày 17/03/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nói trên và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp gồm 04 thửa đất: Thửa 11, Thửa 12, Thửa 27 cùng tờ bản đồ số 3, Thửa 108 tờ bản đồ số 2, các thửa đất này

toạ lạc: Ấp C, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TC0634/HĐTC cùng ngày 21/10/2010.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị Hồng

Tuyên bố các hợp đồng tín dụng số TD0634/HĐTD và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TC0634/HĐTC cùng ngày 21/10/2010 vô hiệu.

Buộc Ngân hàng phải thanh lý hợp đồng vay tài sản, tất toán các khoản vay của bà H theo hợp đồng tín dụng số TD0634/HĐTD ngày 21/10/2010 và trả lại cho bà H 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) gồm: Thửa 11, Thửa 12, Thửa 27 cùng tờ bản đồ số 3 và Thửa 108 tờ bản đồ số 2, các thửa đất này tọa lạc: Ấp C, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh do hộ bà Lê Thị H đứng tên quyền sử dụng đất.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K về việc không yêu cầu bà H chịu tiền phạt chậm trả lãi là 203.359.534 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 11/6/2024, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có đơn kháng cáo. Nội dung đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện cho nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; các đương sự không bổ sung thêm chứng cứ mới.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T1: Hợp đồng vay tiền và hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết giữa Ngân hàng K – Phòng G với bà Lê Thị H là hợp đồng giải tạo nhằm che giấu hợp đồng lao động giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K – Phòng G với anh Nguyễn Văn T1. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến như sau:

+ *Về tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, nhận thấy: Hợp đồng tín dụng số TD0634/HĐTD ngày 21/10/2010 đã thể hiện rõ tại mục đích vay là “ Bảo lãnh cho anh T1 là cháu của bà H là cộng tác viên tại Ngân hàng Thương mại cổ phần K- chi nhánh huyện D ” và trên thực tế bà H không có nhận số tiền 300.000.000 đồng vay từ Ngân hàng, mà trong cùng ngày 21/10/2010 Ngân hàng lập hồ sơ chứng từ thu, chi bằng hình thức lập sổ tiết kiệm với số tiền trên đứng tên cho anh T1. Tại phiên tòa, Ngân hàng khẳng định không có chứng cứ bà H hay anh T1 rút tiền trong sổ tiết kiệm. Mục đích của mở sổ tiết kiệm là để “ Thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay (gốc và

lãi) cho các khách hàng vay tại Ngân hàng K do anh T1 thẩm định, bảo lãnh khi khách hàng không trả đúng và đủ theo hợp đồng vay vốn với bất kỳ lý do gì, kể cả do phát sinh tiêu cực hay anh T1 chiếm dụng”. Do đó việc ký kết hợp đồng tín dụng và mở sổ tiết kiệm chỉ là hợp đồng giả tạo để che dấu hợp đồng lao động giữa Ngân hàng và anh T1 nhằm ràng buộc trách nhiệm làm cộng tác viên của anh T1 là cháu của bà H là vi phạm khoản 2 Điều 20 Bộ luật Lao động quy định những hành vi người sử dụng lao động không được làm khi giao kết, thực hiện hợp đồng lao động; Điều 9 của Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN, ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N. Theo khoản 2 Điều 20 Bộ luật lao động 2012 quy định: “Yêu cầu người lao động phải thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tiền hoặc tài sản khác cho việc thực hiện hợp đồng lao động”. Theo Điều 9 của quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN2 ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N quy định: “Tổ chức tín dụng không được cho vay các nhu cầu vốn sau đây: ... b) Để thanh toán cho các chi phí cho việc thực hiện các giao dịch mà pháp luật cấm”. Từ chứng cứ nêu trên, bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu phản tố của bà H tuyên vô hiệu hợp đồng tín dụng số TD0634/HĐTD và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TC0634/HĐTC cùng ngày 21/10/2010 xác định giao dịch dân sự vay tài sản trên là giao dịch giả tạo quy định tại Điều 123, 124, 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và buộc Ngân hàng phải thanh lý hợp đồng vay tài sản, tất toán các khoản vay của bà H và trả lại cho bà H 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) gồm: thửa 11, Thửa 12, thửa 27, 108 cho bà Lê Thị H là có căn cứ. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2024/DS-ST ngày 07/06/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K là hợp lệ và còn trong thời hạn luật định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Các đương sự là bị đơn, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần K:*

Theo hợp đồng tín dụng số TD0634/HĐTD ngày 21/10/2010 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K – Phòng G với bà Lê Thị H thì tại mục đích vay là “

Bảo lãnh cho anh Nguyễn Văn T1 là cháu của bà H làm cộng tác viên tại Ngân hàng Thương mại cổ phần K - chi nhánh huyện D”. Bà H không có nhu cầu về vốn vay và trên thực tế cũng không có nhận số tiền 291.071.333 đồng từ Ngân hàng. Cùng trong ngày 21/10/2010 Ngân hàng lập hồ sơ chứng từ thu, chi rồi đưa cho anh Nguyễn Văn T1 lập sổ tiết kiệm với số tiền trên đứng tên anh T1. Mục đích của mở sổ tiết kiệm là để “*Thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay (gốc và lãi) cho các khách hàng vay tại Ngân hàng K do anh T1 thẩm định, bảo lãnh khi khách hàng không trả đúng và đủ theo hợp đồng vay vốn với bất kỳ lý do gì, kể cả do phát sinh tiêu cực hay anh T1 chiếm dụng*”. Do đó, việc ký kết hợp đồng tín dụng và mở sổ tiết kiệm chỉ là giả tạo che dấu hợp đồng lao động giữa Ngân hàng và anh T1 nhằm ràng buộc trách nhiệm làm cộng tác viên của anh T1 là cháu nội của bà H. Thực tế bà H không có nhu cầu về khoản vốn vay và không nhận được số tiền vay từ Ngân hàng K, số tiền trong sổ tiết kiệm được xem như là một khoản tiền ký quỹ đảm bảo cho công việc cộng tác viên. Hiện nay, nếu các khách hàng của anh T1 vẫn còn nợ thì Ngân hàng có quyền khởi kiện họ để đòi nợ.

[4] Theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Bộ luật Lao động quy định những hành vi người sử dụng lao động không được làm khi giao kết, thực hiện hợp đồng lao động: “*Yêu cầu người lao động phải thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tiền hoặc tài sản khác cho việc thực hiện hợp đồng lao động*”; Theo Điều 9 quyết định 1627/2001/QĐ-NHN2 ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N quy định Tổ chức tín dụng không được cho vay các nhu cầu vốn sau đây: “*Để thanh toán cho các chi phí cho việc thực hiện các giao dịch mà pháp luật cấm; Để đáp ứng các nhu cầu chính của các giao dịch mà pháp luật cấm*”.

Trong vụ án này, Ngân hàng Thương mại cổ phần K xác lập quan hệ lao động với anh Nguyễn Văn T1 rồi buộc bà Lê Thị H (bà nội anh T1) ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp nhưng không giao tiền cho người vay mà lập sổ tiết kiệm để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của anh T1. Hợp đồng vay vốn và thế chấp tài sản giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K với bà Lê Thị H là giao dịch dân sự giả tạo nên vô hiệu. Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, tuyên hợp đồng tín dụng số TD0634/HĐTD ngày 21/10/2010 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K – Phòng G và Hợp đồng thế chấp vô hiệu, là có căn cứ. Từ đó, xét thấy kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K là không có căn cứ chấp nhận.

[5] *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh Nguyễn Văn T1) là có căn cứ chấp nhận.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2024/DS-ST ngày 07/06/2024 của Toà án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K về việc buộc bà Lê Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền là **1.123.891.908** đồng. Trong đó:

+ Nợ gốc là 291.071.333 đồng;

+ Lãi trong hạn là 59.305.784;

+ Lãi quá hạn là 773.514.791 đồng;

+ Và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số TD0634/HĐTD ngày 21/10/2010 tính từ ngày 17/03/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nói trên.

2. Không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp gồm 04 thửa đất: Thửa 11, Thửa 12, Thửa 27, cùng tờ bản đồ số 3 và Thửa 108, tờ bản đồ số 2, các thửa đất cùng tọa lạc tại: Ấp C, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TC0634/HĐTC cùng ngày 21/10/2010.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị H.

Tuyên bố hợp đồng tín dụng số TD0634/HĐTD và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TC0634/HĐTC cùng ngày 21/10/2010 vô hiệu.

Buộc Ngân hàng TMCP K phải thanh lý hợp đồng vay tài sản, tất toán các khoản vay của bà Lê Thị H theo hợp đồng tín dụng số TD0634/HĐTD ngày 21/10/2010 và trả lại cho bà Lê Thị H 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) gồm: Thửa 11, Thửa 12, Thửa 27 cùng tờ bản đồ số 3 và Thửa 108, tờ bản đồ số 2, các thửa đất cùng tọa lạc tại : Ấp C, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh do hộ bà Lê Thị H đứng tên quyền sử dụng đất.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K về việc không yêu cầu bà Lê Thị Hồng C tiền phạt chậm trả lãi là 203.359.534 đồng.

5. *Về chi phí thẩm định:* Buộc Ngân hàng Thương mại cổ phần K phải chịu số tiền bằng 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng), Ngân hàng đã nộp đủ số tiền chi phí này nên không phải nộp tiếp.

6. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần K phải chịu số tiền 45.716.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu bảy trăm mười sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bằng 25.908.000 đồng (Hai mươi lăm triệu chín trăm lẻ tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0020017 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Ngân hàng Thương mại cổ phần K phải nộp tiếp số tiền bằng 19.808.000 đồng

(Mười chín triệu tám trăm lẻ tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí do Ngân hàng nộp theo biên lai thu số 0003924 ngày 20/06/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

8. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND thị xã Duyên Hải;
- Chi cục THADS thị xã Duyên Hải;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Châu